



Tư liệu tham khảo

# NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

Chuyên đề về

Giáo

dục

Đại học

Việt Nam

nhìn từ

bên

ngoài

*Giáo dục Việt Nam đang đứng trước một áp lực thay đổi vô cùng to lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa. Câu hỏi đặt ra chỉ là thay đổi những gì và thay đổi như thế nào. Để trả lời những câu hỏi ấy, trước hết rất cần phải nhìn lại và đánh giá đúng thực trạng của giáo dục Việt Nam, cũng như nhìn nhận một cách khách quan những thử thách và cơ hội đang đặt ra cho đất nước. **Bản tin Tư liệu Tham khảo Nghiên cứu Giáo dục** kỳ này xin giới thiệu bài nói chuyện của ông Michael W. Marine, nguyên đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, như một cái nhìn từ bên ngoài về giáo dục đại học Việt Nam, cùng với tóm tắt báo cáo của Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ “Những quan sát về giáo dục đại học Việt Nam trong các ngành Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật Điện-Điện tử-Viễn thông và Vật lý tại một số trường đại học Việt Nam”, như những gợi ý rất đáng suy nghĩ cho các nhà giáo dục Việt Nam.*

## NHỮNG THỬ THÁCH CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CÓ THỂ CÓ CỦA HOA KỲ

**(Lược trích bài phát biểu của ông Michael W. Marine, nguyên đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, ngày 6-8-2007 tại TPHCM, trước khi kết thúc nhiệm kỳ 2004-2007)**

Trong ba năm của nhiệm kỳ Đại sứ tại Việt Nam, tôi đã chứng kiến những đổi thay vô cùng to lớn diễn ra ở nơi đây. Mối quan hệ gắn bó giữa hai nước chúng ta đã phát triển có lẽ còn rộng và sâu hơn cả những gì bất cứ ai trong chúng ta có thể hình dung chỉ cách đây vài năm. Trong khi có rất nhiều lý do để làm cho mối quan hệ này ngày càng sâu sắc hơn nữa, tôi tin rằng hai nhân tố quan trọng nhất là nền tảng hội tụ của Việt Nam và mối quan tâm của nước Mỹ đối với việc bảo đảm sự ổn định và an toàn trên phần đất này, cũng như đối với việc phát triển quan hệ giao lưu giữa hai chính phủ và hai dân tộc chúng ta.

Đây là một thời điểm lạ thường đối với Việt Nam. Khi Hoa Kỳ tái lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam năm 1995, chúng tôi thấy mình đang có quan hệ với một quốc gia đã từng có hàng thập kỷ chiến tranh và trong những năm đó là một quốc gia nổi bật về nghèo đói và có quan hệ giao tiếp rất hạn chế với cộng đồng toàn cầu trong các lãnh vực thương mại, đầu tư, giáo dục, và tiếp xúc giữa người và người. Mối quan hệ của chúng ta đã thay đổi lạ lùng như thế nào chỉ

trong vòng 12 năm! Giờ đây, Việt Nam đã là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới, và đã được hưởng Quy chế Thương mại Bình thường Vĩnh viễn (Permanent Normal Trade Relations) với Hoa Kỳ. Năm ngoái, Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, hay Hội nghị Thượng đỉnh APEC do Việt Nam đăng cai tổ chức đã tập hợp các nhà lãnh đạo cao nhất của 21 quốc gia trong đó có cả Tổng thống Bush. Tháng 6 vừa qua, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã đến viếng thăm nước Mỹ, cuộc viếng thăm mới nhất trong danh sách ngày càng tăng những cuộc gặp gỡ cấp cao giữa hai nước.

Về mặt kinh tế, Việt Nam đang tiến về phía trước với những bước rất dài. Giá trị thương mại hai chiều sẽ đạt đến trên 10 tỷ đô la Mỹ trong năm nay, so với năm 2001 là 1,5 tỷ. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất và là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ tư của Việt Nam. Người ta kỳ vọng rằng Việt Nam, con hổ châu Á mới nhất sẽ thu hút ít nhất 15 tỷ đô la cam kết đầu tư nước ngoài trực tiếp trong năm nay.

Trên khắp đất nước Việt Nam, đâu đâu người ta cũng có thể thấy nhiệt tình và niềm hy vọng. Nhưng cùng với những thành công ấy, Việt Nam đang đứng trước những thử thách hết sức to lớn, mà một trong những thử thách ấy chính là hệ thống giáo dục. Trong lúc đất nước này duy trì được mức tăng trưởng kinh tế ngoài sự mong đợi và dân tộc này vẫn tiếp tục coi giáo dục là một ưu tiên hàng đầu, thì cơ sở hạ tầng của nguồn nhân lực nơi đây không phát triển kịp để đáp ứng những đòi hỏi đang ngày càng tăng. Đây là một sự thật ở mọi cấp độ trong hệ thống

giáo dục tại Việt Nam, trong đó thực trạng của giáo dục đại học đang đặt ra những mối quan ngại đặc biệt.

Vai trò cơ bản của các trường đại học là cung ứng một nền giáo dục hữu ích về mặt kinh tế và xã hội, cũng như sáng tạo ra tri thức và thúc đẩy sự đổi mới. Theo những thông tin thu thập được, các trường đại học Việt Nam đang thất bại trong việc hoàn thành những nhiệm vụ cốt yếu này. Theo Báo cáo Phát triển Thế giới năm 2006 của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam đang tụt hậu so với các quốc gia trong



vùng, với chỉ 2% dân số đạt được thời gian đi học 13 năm hoặc hơn. Bản báo cáo này cũng cho biết Việt Nam đứng chót trong vùng về tỷ lệ phần trăm người trong độ tuổi 20-24 được học sau trung học phổ thông, với chỉ 10% được vào đại học. Tương phản với tình trạng này, Trung Quốc có 15% số người trong độ tuổi đang học đại học, Thái lan 41%, và Hàn Quốc khoe một con số đầy ấn tượng: 89%!

Một lý do cho con số khiêm tốn của sinh viên đại học Việt Nam là năng lực hạn chế đến mức báo động của bản thân các trường đại học. Tháng trước, 1,8 triệu thí sinh dự thi tuyển sinh đại học ở đây, cạnh tranh để chiếm được một trong 300,000 chỗ ngồi ở các

trường đại học trong cả nước. Dù nhỏ bé nhưng con số này cũng biểu hiện sự gia tăng ngoạn mục kể từ năm 1990 vì ở thời điểm ấy tổng số sinh viên cả nước mới chỉ là 150,000 người. Tuy nhiên, có một điều khiến các chuyên gia lấy làm e ngại, đó là con số giáo viên đại học vẫn gần như không thay đổi trong suốt 17 năm qua! Rõ ràng là hệ thống này đang chịu một áp lực rất căng thẳng.

Vai trò thứ hai của trường đại học là sáng tạo ra tri thức và thúc đẩy sự đổi mới. Ở vai trò này một lần nữa Việt Nam cũng đang thất bại trong việc chạy đua với láng giềng. Năm 2006, các giáo sư và sinh viên của Đại học Quốc gia Seoul tạo ra 4,556 ấn phẩm khoa học. Đại học Bắc Kinh công bố khoảng 3,000 ấn phẩm trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế. Để so sánh, có thể nêu một con số: cả hai trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội cộng lại cũng chỉ có được 34 ấn phẩm khoa học như vậy.

Con số các đơn xin cấp bằng sáng chế là một dấu hiệu hữu ích cho thấy năng lực về đổi mới của một quốc gia. Báo cáo năm 2006 của Ngân hàng cho biết Trung Quốc có 40,000 đơn xin cấp bằng sáng chế, trong lúc Việt Nam chỉ có 2 đơn!

Chính phủ Việt Nam đã cho thấy là họ hiểu rất rõ tầm quan trọng của giáo dục đối với công dân của mình, và nhận ra nhu cầu khẩn thiết phải đổi mới giáo dục. Có một khát vọng chân thực về mặt xã hội và chính trị đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục ở mọi cấp học ở Việt Nam, và chính phủ đã thông qua một số giải pháp và chính sách quan trọng- về giáo dục nói chung

cũng như về quản trị trong hệ thống giáo dục- những thứ sẽ có những tác động rất quan trọng nếu được thực thi trọn vẹn. Trong lúc những nguồn lực và nỗ lực thực hiện cho đến nay vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu, vẫn có thể thấy rõ, ở cấp cao nhất của chính phủ, có một ý chí và quyết tâm đối với đổi mới giáo dục. Hoa Kỳ mong muốn được là một phần trong cuộc chuyển đổi quan trọng này.

Hệ thống giáo dục Việt Nam có một nhà tiên phong thực sự là TS. Nguyễn Thiện Nhân, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, người vừa được bổ nhiệm để đồng thời phục vụ với tư cách Phó Thủ tướng. Nguyên là học giả Fulbright với bằng thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Oregon và đã theo học nhiều chương trình sau đại học tại Harvard, từng là Phó Chủ tịch UBND TPHCM, Bộ trưởng Nhân có những mục tiêu cụ thể để xoay chuyển môi trường giáo dục trên đất nước này.

Những mục tiêu này gồm có chính sách mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, với sự lưu ý đặc biệt dành cho nữ sinh, dân tộc thiểu số và những người có hoàn cảnh khó khăn, là những đối tượng hiện nay chưa được hưởng đầy đủ sự phục vụ của hệ thống giáo dục hiện tại; điều chỉnh các khóa đào tạo giáo viên, và thẩm tra lại chương trình đào tạo ở mọi môn học và mọi cấp học. Ông cũng có kế hoạch kêu gọi phát triển quy trình đánh giá và kiểm định một cách phù hợp và được chính thức hóa. Ông cũng nhấn mạnh việc đào tạo nghề nhằm trang bị lực lượng lao động Việt Nam cho thế kỷ XXI. Trong kế hoạch của ông có việc xây dựng quan hệ mới với các cơ quan học thuật của Đức và Hoa Kỳ, có việc nâng cấp một

loạt trường đại học Việt Nam lên vị trí hàng đầu và được công nhận trên phạm vi quốc tế.

Như Báo cáo của Ngân hàng Thế giới đã cho thấy, Việt Nam cần nhiều tiến sĩ hơn cho các trường đại học đang quá tải sinh viên của mình, cho nên Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đặt mục tiêu đào tạo 20,000 tiến sĩ đến năm 2010. Một cách lý tưởng, 10,000 tiến sĩ trong số đó sẽ được đào tạo ở nước ngoài, với ít nhất là 2500 người được đào tạo ở Hoa Kỳ.

Xa hơn những mục tiêu cụ thể ấy, các nhà lãnh đạo nhà nước đã nhận ra tầm quan trọng của việc nắm được ngoại ngữ- đặc biệt là tiếng Anh- đối với học sinh ngay từ bậc tiểu học, cũng như việc tăng cường năng lực trong công nghệ thông tin.

Trong tất cả những lãnh vực ấy, Hoa Kỳ không những có thể giúp, mà còn mong muốn tham gia như một thành viên cùng với nhà nước và nhân dân Việt Nam giải quyết những thiếu hụt và tạo ra một hệ thống giáo dục, một môi trường học tập mà mỗi công dân Việt Nam đều có thể tự hào.

Một trong những chương trình trao đổi học thuật quan trọng bậc nhất là Chương trình Fulbright. Được thành lập năm 1946 nhằm thúc đẩy sự gia tăng hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trên thế giới, chương trình này đã mở rộng đến 140 quốc gia. Chương trình Fulbright bắt đầu tại Việt Nam năm 1992 và hiện nay đang nhận được nguồn tài chính lớn nhất của chính phủ Hoa Kỳ so với các chương trình Fulbright khác trên toàn thế giới. Đây là một chương trình mà sự thành công

của nó là không thể bàn cãi, nhưng với sự đóng góp của nhà nước Việt Nam, nó có thể mở rộng để đáp ứng đào tạo ở bậc cao học cho nhiều người Việt Nam hơn, phục vụ cho mục tiêu tạo ra 20,000 tiến sĩ mà đất nước đang cần để giảng dạy cho số sinh viên đang tăng chóng mặt của mình. Tôi hy vọng điều này sẽ sớm được thực hiện.

Tại TPHCM, chúng tôi tự hào về việc hỗ trợ Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (FETP). Chương trình này được xây dựng năm 1994 với hai mục tiêu hỗ trợ đổi mới kinh tế ở Việt Nam đồng thời tạo thuận lợi cho quan hệ song phương thông qua trao đổi học thuật. Đây là chương trình hợp tác giữa Đại học Harvard và Đại học Kinh tế TPHCM, có một ý nghĩa khởi đầu và đã đạt được những thành công hết sức to lớn. Ngọn cờ đầu của các chương trình đào tạo này là khóa học một năm về kinh tế học ứng dụng và chính sách công. Mới đây những người phụ trách chương trình đã làm việc với giới chức hữu quan ở Washington DC và Việt Nam để xem xét những khả năng mở rộng chương trình.

Một thành viên quan trọng khác là Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF). Từ khi bắt đầu hoạt động năm 2003, VEF đã có nhiều thành công trong nhiệm vụ giao lưu giáo dục và xây dựng năng lực trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật cho Việt Nam. Hơn 200 nghiên cứu sinh VEF đã được bố trí theo học bậc cao học tại các trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Mỹ. Hiện nay đã có 103 trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Hoa Kỳ tham gia chia sẻ chi phí như một liên minh của VEF để hỗ trợ việc đào tạo các nghiên cứu sinh Việt Nam, cũng như VEF đã hỗ trợ 48

nhà khoa học và chuyên gia của những trường đại học nổi tiếng ở Hoa Kỳ đến giảng dạy và thực hiện các hội thảo ở các trường đại học Việt Nam. Lợi ích của các hoạt động này sẽ còn phục vụ cho hệ thống giáo dục Việt Nam hàng thập kỷ nữa.

Nước Mỹ là nơi của những trường đại học mang thương hiệu hàng đầu thế giới, sức mạnh của nền giáo dục Hoa Kỳ nằm ở chiều sâu và bề rộng nổi bật của các trường đại học và cơ sở đào tạo. Với 4,000 trường đại học và cao đẳng đã được kiểm định và công nhận chất lượng, rõ ràng là có đủ trường học cho tất cả mọi người. Một số trường xuất sắc- như Harvard hay Hawaii- đã có những bước đi quan trọng trong hợp tác giáo dục, và nhiều trường khác đang tìm hiểu bức tranh toàn cảnh về việc làm việc tại Việt Nam.

Trường Kinh doanh Shidler thuộc Đại học Hawaii là một thí dụ tuyệt vời của những lợi ích đạt được do những nỗ lực hợp tác trong giáo dục với Đại học Quốc gia Hà Nội. Đây là trường nằm trong top 25 về kinh doanh quốc tế trong bảng xếp hạng các trường đại học và có mạng lưới hơn 25,000 cựu sinh viên trên toàn thế giới. Chương trình đào tạo 2 năm có hình thức phù hợp- học buổi tối và cuối tuần- để các nhà quản lý vẫn có thể tiếp tục đảm nhiệm vị trí quản lý trong khi theo học lấy bằng thạc sĩ về quản trị kinh doanh. Tất cả các môn đều do giáo sư Đại học Hawaii đảm nhiệm giảng dạy.

Những người tốt nghiệp Trường Kinh doanh Shidler đã rất thành công trong sự nghiệp, nhiều người đã tiến lên đến những vị trí hàng đầu trong các

công ty toàn cầu có mặt tại Việt nam, như Ernst and Young, KPMG và PriceWaterhouse Coopers. Tại TPHCM, Trung tâm Phát triển Đại học Hawaii vừa khai trương năm ngoái và đang có kế hoạch đào tạo thạc sĩ Điều hành Quản trị Kinh doanh từ tháng 10 năm nay. Những nỗ lực hợp tác trên đây giữa các trường đại học Việt Nam và Hoa Kỳ không chỉ làm tăng uy tín và mở rộng nguồn lực cho họ, mà quan trọng hơn, họ tạo ra những cơ hội trước đây không thể có được cho sinh viên Việt Nam, những người đến lượt họ sẽ đạt được những kỹ năng cần thiết để trở thành những nhà lãnh đạo kinh doanh đầy quyền lực trong bất cứ môi trường nào.

Còn có nhiều ví dụ khác nữa. Tháng Tư vừa qua Học viện Quan hệ Quốc tế của Bộ Ngoại giao đã ký một Bản Thỏa thuận với Đại học Kỹ thuật Texas. Bản ghi nhớ này đã tạo ra chương trình đầu tiên nhằm trao đổi sinh viên cao học, tạo điều kiện cho họ hoàn thành năm thứ hai của chương trình cao học tại Texas Tech và được cấp bằng Hoa Kỳ. Những bản thỏa thuận như thế giữa các thành viên Việt Nam và các trường đại học Hoa Kỳ sẽ mở ra cánh cửa để giáo dục đại học Mỹ đến được với tuổi trẻ Việt Nam ngày càng nhiều hơn.

Hàng năm, Hiệp hội các trường Cao đẳng Cộng đồng Hoa Kỳ đồng tổ chức một hội thảo khoa học ở đây. Giờ đây họ đã có thể làm cùng với Hiệp hội Các trường Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam vừa thành lập tháng 9 năm 2006. Cuộc hội thảo tháng 3 vừa qua đã tập hợp các thành viên mỗi bên nhiều hơn tất cả những lần trước đó. Năm nay, ưu tiên của hội thảo là chia sẻ thông tin về khuôn mẫu cao đẳng cộng đồng với

các đồng nghiệp Việt Nam, và tập trung vào xây dựng chương trình và đào tạo giáo viên, nhân mạnh kỹ năng vi tính và những kỹ năng khoa học khác. Hơn nữa, các nhà giáo dục cả hai nước còn xem xét những cách thức nâng cao trình độ tiếng Anh cho cả giáo viên lẫn sinh viên.

Khi kinh tế Việt Nam tiến lên nhanh chóng, nhà nước đã nhận ra nhu cầu khẩn thiết phải nâng cao trình độ tiếng Anh cho công dân của mình. Nói gì thì nói, tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ của doanh thương và đó là một thử thách đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Trong quá nhiều trường hợp, giáo viên tiếng Anh không phải là người bản ngữ, và chưa được đào tạo đầy đủ để dạy ngoại ngữ. Tuy vậy, mùa thu này, thêm một dấu hiệu về sự phát triển quan hệ của Hoa Kỳ với Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ làm việc với một chuyên gia cao cấp về Tiếng Anh của chính phủ Hoa Kỳ. Trong vòng một năm, chuyên gia này sẽ làm việc với một nhóm công tác đặc biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo để hoàn thiện chương trình giảng dạy tiếng Anh cho cả hệ thống giáo dục Việt Nam, từ tiểu học đến đại học, kể cả mạng lưới đào tạo giáo viên để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Cuối cùng, Hoa Kỳ và Việt Nam đang cùng làm việc để xây dựng một chương trình Tổ chức Hòa bình (Peace



Corps) trên đất nước này. Tôi hy vọng các bạn đã từng nghe nói đến Tổ chức Hòa bình và những chương trình hoạt động tuyệt vời của họ. Từ khi được thành lập năm 1961, hơn 187,000 người Mỹ đã phục vụ với tư cách người tình nguyện trên 139 quốc gia trên toàn cầu. Những người tình nguyện làm việc trong các lĩnh vực giáo dục, nông nghiệp, sức khỏe và HIV/AIDS, kinh doanh và môi trường. Một trong những chương trình mạnh nhất của tổ chức này là giảng dạy tiếng Anh, và sự hiện diện của Tổ chức Hòa bình ở Việt Nam có thể có một tác động to lớn trong việc giảng dạy tiếng Anh sao cho có hiệu quả trên cả nước. Chúng tôi hy vọng có thể nhanh chóng đạt đến một thỏa thuận với chính phủ để bắt đầu chương trình tình nguyện tuyệt vời này, một chương trình đã thực hiện ở nhiều nước và tất cả đều thấy vô cùng hữu ích.

William Butler Yeats có nói: “Giáo dục không phải là đổ đầy một cái bình chứa, mà là thắp lên một ngọn lửa”. Khi nghĩ về tương lai của giáo dục Việt Nam, tôi thiết tha hy vọng ngọn lửa của niềm đam mê học tập sẽ cháy sáng hơn bao giờ hết và soi rọi mọi nẻo đường trên đất nước tươi đẹp và đầy sức thu hút này. Hoa Kỳ tự hào được làm việc với các đối tác Việt Nam nhằm phát triển một hệ thống giáo dục phục vụ tốt hơn từng học sinh, và thắp sáng con đường tiến về phía trước của họ khi họ đang chuẩn bị cho mình những kỹ năng cạnh tranh mạnh hơn trên khán đài thế giới.

**TS. Phạm Thị Ly dịch** (Nguồn: <http://hochiminh.usconsulate.gov/>)

# TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NHỮNG QUAN SÁT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG CÁC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG VÀ VẬT LÝ TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

*(Do Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ thực hiện)*

## **Tóm tắt**

Dự án *Những quan sát về giáo dục đại học trong các ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật điện – điện tử - viễn thông và Vật lý tại một số trường đại học Việt Nam* được thực hiện dưới sự bảo trợ của Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) một cơ quan hoạt động độc lập thuộc Liên bang Hoa Kỳ. Dự án này còn được gọi là Dự án giáo dục đại học của VEF, được thực hiện theo đề nghị của GS. TS. Nguyễn Thiện Nhân, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi đó là Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Dự án được triển khai với sự hợp tác và hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị đồng tài trợ, bao gồm: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, Trung tâm đào tạo Khu vực của Tổ chức các Bộ trưởng Giáo dục Đông Nam Á tại Việt Nam (SEAMEO RETRAC), và Viện Nghiên cứu Giáo dục thuộc Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Dưới sự bảo trợ của Viện Hàn lâm quốc gia Hoa Kỳ, các chuyên gia hàng đầu của Hoa Kỳ về đánh giá và thiết kế giảng dạy, và các chuyên gia trong một số chuyên ngành được lựa chọn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật đã tham gia vào dự án này. Dự án giáo dục đại

học được tiến hành theo phương pháp điển cứu đa trường hợp và là một dự án nghiên cứu định tính bao gồm các giai đoạn sau: (1) giai đoạn 1, từ tháng 1 đến tháng 8/2006, đánh giá hiện trạng công tác giảng dạy và học tập trong các ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật điện – điện tử - viễn thông và vật lý tại bốn trường đại học điểm ở Việt Nam và để nhận diện những cơ hội thay đổi; (2) giai đoạn 2, từ tháng 9/2006 đến tháng 8/2009, hỗ trợ thực hiện các thay đổi; và (3) vào cuối giai đoạn 2, đưa ra các mô hình có thể áp dụng cho tất cả các ngành học và các đơn vị đào tạo.

Có bốn trường đại học của Việt Nam (hai trường ở Hà Nội và hai trường ở Thành Phố Hồ Chí Minh) được chọn tham gia dự án này. Tên các trường tham gia được giữ kín hơn. Mục đích của dự án là nhằm hỗ trợ các nhà lãnh đạo và quản lý của bậc giáo dục đại học trong các nỗ lực nhằm nâng cao chương trình đào tạo, phương pháp sư phạm, và đưa ra các nhận định về các ngành khoa học và kỹ thuật tại Việt Nam.

Sau khi kết thúc các chuyến khảo sát thực địa vào tháng 5/2006, hai đoàn chuyên gia đa ngành của Hoa Kỳ đã

đưa ra kết luận về năm nhóm vấn đề then chốt mà giáo dục đại học ở Việt Nam cần được thay đổi. Đó là: công tác giảng dạy và học tập ở bậc đại học, chương trình đào tạo và các môn học ở bậc đại học, giảng viên, đào tạo và nghiên cứu sau đại học, và công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên và hiệu quả nhà trường. Không phải tất cả các chương trình đào tạo, các khoa, và các trường được khảo sát đều tồn tại các vấn đề này. Ngược lại, các đoàn chuyên gia đã tìm thấy nhiều giải pháp tốt đối với các vấn đề nêu trên mà các trường khác có thể xem như là mô hình tốt để áp dụng theo. Thêm vào đó, các đoàn cũng phát hiện được nhiều sinh viên giỏi và cần cù; nhiều giảng viên cao tuổi và trẻ tuổi có nhiều năng lực; lãnh đạo các cấp nhiệt tình và có tầm nhìn. Các đoàn chuyên gia cũng tìm thấy có nhiều đề tài nghiên cứu hay đang được thực hiện và ghi nhận việc sử dụng khoa học công nghệ và thiết bị tiên tiến.

Đặc biệt, các đoàn chuyên gia cũng đã nhận diện được *các vấn đề và cơ hội thay đổi* đối với năm vấn đề nêu trên và đưa ra các đề xuất chung để xem xét và cân nhắc ở cấp độ toàn quốc. dưới đây là tóm lược một số vấn đề và cơ hội thay đổi chính yếu bởi vì nội dung này chiếm phần lớn trong toàn bộ nội dung của bản báo cáo. Dưới mỗi nhóm vấn đề, những tiêu mục chấm đầu dòng trình bày ngắn gọn những vấn đề chính yếu được nhận diện và các giải pháp tiềm năng do các đoàn chuyên gia đề xuất nhằm khắc phục các vấn đề đó. Xin lưu ý rằng các kết luận của đoàn chuyên gia Hoa Kỳ chỉ đúng với một số trường hợp mà các đoàn chuyên gia đã đến khảo sát và có

thể không đúng cho mọi trường hợp. và cũng cần lưu ý thêm rằng các vấn đề nêu trên không được xếp theo thứ tự ưu tiên, vì thế chúng không được đánh số.

### **Công tác giảng dạy và học tập ở bậc đại học**

- Các phương pháp giảng dạy kém hiệu quả: diễn thuyết, diễn trình, ghi nhớ một cách máy móc, ít có sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

Giải pháp đề xuất: phối hợp sử dụng các phương pháp học tập tích cực yêu cầu giao bài tập về nhà và có chấm điểm, chú trọng đến việc học khái niệm hoặc học ở cấp độ tư duy cao, và thành lập các Trung tâm xuất sắc về giảng dạy và học tập.

- Trang thiết bị và nguồn lực chưa đầy đủ

Giải pháp đề xuất: hiện đại hóa phòng học, thư viện, và trang thiết bị thí nghiệm; cung cấp các nguồn lực (con người và thiết bị) để hỗ trợ giảng dạy và học tập.

### **Chương trình đào tạo và các môn học ở bậc đại học**

- Quá nhiều môn học (trên 200 tín chỉ để tốt nghiệp)

Giải pháp đề xuất: cho phép các trường có quyền chủ động nhiều hơn trong nội dung chương trình đào tạo và sắp xếp chương trình đào tạo để các khoa có thể hợp nhất các môn học nhằm giảm thiểu tổng số tín chỉ để tốt nghiệp.



- Quá nhiều yêu cầu mà ít sự lựa chọn

Giải pháp đề xuất: tăng tính linh động và đưa vào nhiều môn học tự chọn hơn.

- Nội dung của mỗi môn học và chương trình đào tạo đã lỗi thời, không ngang bằng với trường đại học hàng đầu thế giới. Đặc biệt, ít dạy về các khái niệm và nguyên lý, quá nhấn mạnh vào dữ liệu kiến thức và kỹ năng.

Giải pháp đề xuất: nhấn mạnh vào các kỹ năng tư duy ở cấp độ cao hơn (ứng dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá) trong giảng dạy và sau đó kiểm tra các kỹ năng tư duy này.

- Sự mất cân đối giữa các giờ học lý thuyết (khái niệm và nguyên lý, nhấn mạnh quá nhiều vào các kiến thức dữ kiện) và giờ học thực hành/áp dụng (thực hành phòng thí nghiệm hay các kinh nghiệm thực tế)

Giải pháp đề xuất: thiết kế nhiều hơn nữa những kinh nghiệm học tập thực hành, ứng dụng thực tiễn, các bài tập và dự án.

- Thiếu các kỹ năng nghề nghiệp thông thường (làm việc nhóm, giao tiếp và viết bằng tiếng Anh, quản lý dự án, phương pháp giải quyết vấn đề, sáng kiến tích cực, học tập suốt đời).

Giải pháp đề xuất: giảng dạy bằng tiếng Anh và tạo nhiều cơ hội để phát triển các kỹ năng thông qua các hoạt động trong lớp và trong đời sống thực (học và làm việc, thực tập, kinh nghiệm thực tiễn).

- Thiếu tính linh hoạt trong việc chuyển tiếp giữa các ngành học.

Giải pháp đề xuất: thiết lập các thỏa thuận liên thông giữa các ngành học trong cùng một trường và giữa các trường.

- Các môn học và chương trình đào tạo được thiết kế mà không dựa trên những mong đợi rõ ràng về kết quả học tập của sinh viên ở đầu ra (những kiến thức, kỹ năng, và thái độ sinh viên được mong đợi cần đạt được khi hoàn tất môn học hoặc khi tốt nghiệp một chương trình đào tạo).

- Giải pháp đề xuất: yêu cầu, và hỗ trợ, việc thiết lập những kết quả học tập của sinh viên làm cơ sở nền tảng cho việc xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của các môn học.

### **Giảng viên**

- Thiếu giảng viên có đủ trình độ.

Giải pháp đề xuất: phát triển các trường đại học nghiên cứu, các trường đại học hàng đầu đào tạo giảng viên cho các trường đại học khác.

- Sự chuẩn bị về học thuật cho các giảng viên còn ở trình độ thấp.

Giải pháp đề xuất: tạo cơ hội học tập sau đại học ở cả trong và nước ngoài.

- Thiếu các kỹ năng trong nghiên cứu và thực hành giảng dạy hiện đại.

Giải pháp đề xuất: tiến hành các chương trình phát triển nghiệp vụ chuyên môn, cụ thể là về phương pháp sư phạm và nghiên cứu.

- Thiếu các kiến thức cập nhật về chuyên môn bao gồm nội dung chương trình đào tạo và nội dung các môn học.

Giải pháp đề xuất: tạo điều kiện tiếp cận với nguồn tri thức mới, chương trình dạy và học hiện hành, các tài liệu học tập liên quan trên mạng.

- Làm việc quá nhiều mà lương lại thấp dẫn đến việc thiếu thời gian cần thiết để chuẩn bị giáo án, tiếp xúc với sinh viên và nghiên cứu.

Giải pháp đề xuất: giảm khối lượng giảng dạy; thuê và trả lương cho giảng viên “làm trọn giờ” và xác định rằng họ sẽ làm 40 giờ một tuần tại trường của mình và cân đối giữa giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động khác; tăng thời gian nghiên cứu bằng cách hỗ trợ họ có trợ giảng để chấm điểm, trợ lý nghiên cứu và thư ký văn phòng.

- Không có sự khuyến khích đối với giảng viên trong việc nâng cao kỹ năng giảng dạy, chất lượng môn học, chương trình đào tạo, và khả năng nghiên cứu vì sự đê bạc và tăng lương thường dựa vào khối lượng giảng dạy và thâm niên, không dựa trên thành tích, khả năng hoặc thành tích nghiên cứu.

Giải pháp đề xuất: thiết lập chế độ thưởng theo thành tích; thưởng và ghi nhận các giáo viên có những cải tiến trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

### **Giáo dục và nghiên cứu sau đại học.**

- Ít có cơ hội cho các tiến sĩ đã được học tập ở nước ngoài, tiếp tục nghiên cứu hoặc ứng dụng các phương pháp khi trở về Việt Nam.

Giải pháp đề xuất: tuyển dụng các tiến sĩ sau khi tốt nghiệp từ nước ngoài về tham gia lãnh đạo, phổ biến việc áp dụng các kiến thức chuyên ngành, phương pháp giảng dạy, và kỹ năng nghiên cứu; xây dựng nguồn tư liệu thư viện sau đại học phù hợp và tạo điều kiện tiếp cận các nguồn tài liệu học thuật mới trên mạng; nâng cấp các phòng thí nghiệm; và hỗ trợ họ tham dự các hội thảo quốc tế.

- Tuyển giảng viên từ các sinh viên tốt nghiệp của chính trường mình, do đó làm cản trở môi trường nghiên cứu năng động.

Giải pháp đề xuất: tuyển sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học khác.

- Tách các viện nghiên cứu và các phòng thí nghiệm ra khỏi các khoa giảng dạy, do đó làm giảm thiểu cơ hội cho các giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu.

Giải pháp đề xuất: sắp xếp lại cơ cấu và mối liên hệ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và các phòng thí nghiệm, đề giảng viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh có điều kiện thực hiện nghiên cứu.

### **Đánh giá kết quả học tập của sinh viên và hiệu quả nhà trường.**

- Thiếu sự phối hợp kết quả học tập của sinh viên ở các cấp độ trường, khoa, chương trình đào tạo và môn học.

Giải pháp đề xuất: đưa ra yêu cầu thiết lập và sử dụng kết quả học tập của sinh viên ở cấp trường; chương trình đào tạo đưa ra phải dựa trên kết quả học tập chung của sinh viên, bao gồm việc đặt ra kết quả học tập của sinh viên thật cụ thể cho từng đề cương chi tiết môn học; hỗ trợ cho việc thiết lập và thực hiện các kết quả học tập của sinh viên thông qua các Trung tâm xuất sắc về giảng dạy và học tập và các Trung tâm đánh giá chất lượng trường

- Hiệu quả nhà trường không được đánh giá dựa trên kết quả học tập của sinh viên. Kết quả là giảng viên không có nhiều động cơ vì không có nhận được nhiều sự khuyến khích và thưởng cho sự thay đổi.

Giải pháp đề xuất: các trường chịu trách nhiệm nâng cao thành tích học tập của sinh viên và xem đó là một yêu cầu trong công tác kiểm định chất lượng nhà trường; phân bổ nguồn lực cho trường, khoa, và các chương trình đào tạo ít nhất là dựa trên một phần kết quả học tập của sinh viên.

- Chất lượng chương trình đào tạo và môn học không dựa vào sự đánh giá và học tập của sinh viên

Giải pháp đề xuất: thiết lập và thực hiện hệ thống đánh giá chương trình đào tạo dựa một phần vào kết quả học tập của sinh viên trong từng môn học và trong toàn bộ chương trình đào tạo, đồng thời thiết lập và thực hiện hệ thống đánh giá môn học và thường niên đánh giá lại giảng viên để có được các phản hồi về công tác giảng dạy và học tập nhằm mục đích để cải tiến.

- Thiếu cơ sở hạ tầng nghiên cứu cấp trường.

Giải pháp đề xuất: thiết lập các văn phòng nghiên cứu cấp trường, tiến hành đào tạo cho cán bộ quản lý học thuật đảm nhận các chức năng nghiên cứu, cung cấp các nguồn dữ liệu điện tử để theo dõi, phân tích và báo cáo các số liệu sinh viên như số lượng đăng ký nhập học, tiến triển trong quá trình học tập, tốt nghiệp và kết quả học tập.

**Nhận thấy Bộ Giáo dục và Đào tạo có vai trò quan trọng trong mối quan hệ với các trường đại học Việt Nam, các đoàn chuyên gia Hoa Kỳ đã đưa ra một số ý kiến rộng và bao quát hơn, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét một số nội dung sau:**

- ❖ Phương thức mở rộng hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam, phân bố đều khắp cả nước để tạo điều kiện cho học sinh trung học có nhiều cơ hội hơn để theo học đại học. Hiện nay số lượng 255 trường đại học và cao đẳng là không đủ để đáp ứng nhu cầu.

- ❖ Cách thức chuẩn bị đội ngũ giảng viên tương lai được đào tạo ở trình độ cao là bằng cách giao quyền cho các trường đại học điểm đào tạo ra các giảng viên giỏi trong các ngành khoa học và công nghệ cho các trường đại học khác ở Việt Nam.

- ❖ Có nhiều phương án lựa chọn để ra quyết định chiến lược về việc cấp vốn cho nghiên cứu cơ bản trong trường đại học để đảm bảo cho thế hệ các nhà khoa học tương lai.

- ❖ Các khả năng cho phép các trường chủ động và linh hoạt hơn trong việc nâng cao chất lượng và luôn cập nhật chương trình đào tạo.

❖ Phương thức thiết lập quy trình kiểm định bao gồm đánh giá kết quả học tập sinh viên và làm việc với các trường để thiết lập hoặc hoàn thiện quy trình đánh giá chương trình đào tạo cho các khoa.

❖ Các cách thức để thiết lập một cơ chế nhằm bảo đảm các nguồn lực được phân bổ dựa trên thành tích công việc và chất lượng.

❖ Làm thế nào để đánh giá mức độ chất lượng của các trường đại học trên toàn quốc mà dựa vào quá trình nghiên cứu và học tập của sinh viên, và thiết lập cơ chế hỗ trợ cho các trường có chất lượng thấp nâng lên đến mức tốt nhất có thể được.

❖ Làm thế nào để các trường có điều kiện tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng mới nhất, tạp chí điện tử chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu thông qua mạng Internet có đường truyền tốc độ cao.

❖ Làm thế nào để xây dựng năng lực cho giảng viên trong việc thiết kế nội dung, phương pháp sư phạm, tiếp xúc với sinh viên và thực hiện nghiên cứu.

❖ Các cách thức điều chỉnh và tổ chức lại chương trình đào tạo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sinh viên có thêm thời gian tiếp thu nội dung học liên quan và tiếp thu thông tin môn học.

❖ Làm thế nào để có thể nâng cao phương pháp sư phạm trong trường trung học để học sinh có sự chuẩn bị tốt hơn cho chương trình giáo dục đại học mới, với nhiều thách thức hơn.

❖ Các phương pháp hỗ trợ học sinh trung học chuẩn bị chọn ngành học ngay khi còn ở trung học.

Ngoài phần *các vấn đề và cơ hội thay đổi*, báo cáo này còn bao gồm các phần sau: *các quan sát về ngành học cụ thể*, đưa ra các nhận xét ngắn gọn về các ngành cụ thể như công nghệ thông tin, kỹ thuật điện – điện tử - viễn thông và vật lý; *Các viễn cảnh thay đổi* trình bày các viễn cảnh ở cấp quốc gia, khu vực, trường và chương trình đào tạo; và *kết luận*, trong đó bàn đến ý nghĩa Giáo dục của Dự án giáo dục đại học. Báo cáo cũng bao gồm các phụ lục cung cấp thông tin chi tiết hơn về các khía cạnh khác nhau của dự án.

*Tư liệu tham khảo Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế mong nhận được sự cộng tác về bài vở, thông tin và nhận xét góp ý của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong trường.*

Mọi thư từ bài vở xin liên lạc:

**Trung tâm Nghiên cứu Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế  
Viện Nghiên cứu giáo dục (Đại Học Sư Phạm TPHCM)**

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax: 8393883 E-mail: [ciecer@hcm.vnn.vn](mailto:ciecer@hcm.vnn.vn)

Chịu trách nhiệm chính: PGS.TS. Phạm Xuân Hậu

Biên tập: TS. Phạm Thị Ly

Trình bày: Dương Thị Ánh Vy

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

